

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 328, Điều 500, Điều 501 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 04 tháng 9 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 79/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Phạm Văn H**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: **thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng**.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Chị **Phạm Huyền T**, sinh năm 2000.

Địa chỉ: **thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng**.

- Chị **Lê Thị T1**, sinh năm 1999.

Địa chỉ: **xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng**. Tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền lập ngày 20/8/2024.

Bị đơn: Bà **Phạm Thị Bích L**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: **thôn N, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng**.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị **Phan Thị Huyền N**, sinh năm 1997.

Địa chỉ: **số A T, phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng**. Tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền lập ngày 25/4/2024.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông **Nguyễn Thanh V** – Văn phòng luật sư **Nguyễn Thanh V** thuộc **đoàn luật sư tỉnh L**.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Chị **Phạm Lê Thị Hằng N1**, sinh năm 1997.

- Anh **Phạm Quang H1**, sinh năm 1999.

Cùng địa chỉ: **A thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.**

- Vợ chồng ông **Nguyễn Thanh H2**, sinh năm 1975. Bà **Nguyễn Thị H3**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: **thôn N, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.**

- Bà **Phạm Thị L1**, sinh năm 1956.

Địa chỉ: **thôn N, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.**

- Ông **Nguyễn Minh T2**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: **số E tổ dân phố Q, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.**

- Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: **đường H, tổ dân phố Đ, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng**

- **Văn phòng C**;

Địa chỉ: **số F H, tổ dân phố V, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Ngô Văn T3** – Trưởng **Văn phòng C**.

- **Ngân hàng TMCP S**.

Địa chỉ: **Lầu H, 2 N, phường V, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Đức Thạch D** – chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền đứng đơn khởi kiện: Ông **Đặng Cao T4** – Chức vụ: Trưởng phòng PGD Lâm Hà .

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông **Nguyễn Công T5**, sinh năm 1987.

Nơi làm việc: **Ngân hàng TMCP S – chi nhánh L2 - PGD L**. Theo văn bản ủy quyền lập ngày 26/8/2024.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông **Phạm Văn H** và bà **Phạm Thị Bích L** thống nhất đồng ý hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất lập ngày 02/6/2020 giữa bà **Phạm Thị Bích L** và bà **Lê Thị N2** đối với diện tích đất 176m² thuộc thửa đất số 490, tờ bản đồ số 214d **xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.**

Bà **Phạm Thị Bích L** đồng ý trả lại cho ông **Phạm Văn H** số tiền là 500.000.000đ (*năm trăm triệu đồng*).

- Ông **Phạm Văn H** và ông **Nguyễn Minh T2**, bà **Nguyễn Thị M** thống nhất đồng ý hủy hợp đồng đặt cọc lập ngày 19/5/2022 giữa ông **Phạm Văn H** với ông **Nguyễn Minh T2**, bà **Nguyễn Thị M** đối với diện tích đất 176m² thuộc thửa đất số 490, tờ bản đồ số 214d **xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.**

Ông **Phạm Văn H** đồng ý trả lại cho ông **Phạm Minh T6**, bà **Nguyễn Thị M** số tiền đặt cọc là 150.000.000đ (*một trăm năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ

ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí: Bà **Phạm Thị Bích L** tự nguyện nhận chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu hủy hợp đồng chuyên nhượng và 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Cộng chung là 12.300.000đ (mười hai triệu ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông **Phạm Văn H** nhận chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu hủy hợp đồng đặt cọc và 3.750.000đ (ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả lại tiền đặt cọc cho ông **Nguyễn Minh T2**, bà **Nguyễn Thị M**. Cộng chung, ông **Phạm Văn H** tự nguyện nhận chịu 4.050.000đ (bốn triệu không trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004597 ngày 04/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, còn lại ông **Phạm Văn H** tự nguyện nộp tiếp số tiền là 3.750.000đ (ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho **Ngân hàng TMCP SI**, **chi nhánh L2**, **PGD L** số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004955 ngày 28/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà.

Hoàn trả cho ông **Nguyễn Minh T2**, bà **Nguyễn Thị M** số tiền 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004935 ngày 14/8/2024 và số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004936 ngày 14/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà.

- Về chi phí tố tụng: Ông **Phạm Văn H** tự nguyện nhận chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản; đo đạc; thẩm định giá tài sản là 13.327.382đ (mười ba triệu ba trăm hai mươi bảy ngàn ba trăm tám mươi hai đồng), số tiền này ông **Phạm Văn H** đã nộp đủ và đã được quyết toán xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;

THẨM PHÁN

- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Hạnh